|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 05/ 11 / 2024 | Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Quỳnh Trang  Tổ chuyên môn: Ngữ văn |

**BÀI 4**

**SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI**

**(Truyện cười)**

Thời gian thực hiện: 13 tiết

**Đọc:**

Tri thức Ngữ văn

VB1,2: Vắt cổ chày ra nước; May không đi giày .

VB 3,4: Khoe của; Con rắn vuông

**Đọc kết nối chủ điểm:** Tiếng cười có lợi ích gì?

**Thực hành Tiếng Việt:**

Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị

**Đọc mở rộng theo thể loại:** Văn hay

**Viết:**

Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

**Nói và nghe:**

Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**\*Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

- Nêu được những thay đổi suy nghĩ tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu, chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.

- Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố của truyện cười

- Xác định được chủ đề của văn bản

- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản

- Nêu được những thay đổi trong cách sống, suy nghĩ, tình cảm của bản thân sau khi đọc văn bản

**3. Về phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, trung thực, trách nhiệm

**Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống:**

**Giáo dục lòng yêu thương con người, đồng cảm với những hoàn cảnh đặc biệt,…**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. **Thiết bị dạy học:**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

**2. Học liệu:**

- Các văn bản, ngữ liệu, bài tập trong sgk.

- Sách bài tập, sách giáo viên

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP ( Dự kiến thời gian 07 phút)**

**a) Mục tiêu:** - Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

- Bước đầu nhận ra ý nghĩa của chủ điểm

- Xác định thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học

**b) Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** Thái độ của Hs khi tham gia học tập; câu trả lời về tên chủ điểm bài học, câu hỏi lớn của bài học và thể loại sẽ học

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV cho HS nghe bài hát “Nụ cười” (Nhạc Nga) và mời học sinh chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ về hai câu hỏi:

+ Em có suy nghĩ gì, cảm nhận gì về vai trò của tiếng cười trong cuộc sống?

+ Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS nghe nhạc và suy nghĩ

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Gv tổ chức hoạt động.

HS trình bày ý kiến, HS khác bổ sung, nhận xét (nếu có).

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

*Đối với mỗi chúng ta, tiếng cười có rất nhiều tác dụng: để bộc lộ niềm vui, sự thích thú, niềm hạnh phúc, để kết nối bạn bè, để phê phán những hiện tượng chưa hay, chưa tốt,…Có thể nói tiếng cười đã góp nhiều màu sắc làm cuộc sống thêm phong phú.Trong bài học này, thông qua việc đọc các văn bản truyện cười em sẽ hiểu thêm về những sắc thái của tiếng cười trong cuộc sống.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 553 phút)**

**NỘI DUNG 1: TRI THỨC ĐỌC HIỂU (Dự kiến thời gian 15’)**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được khái niệm và đặc điểm của truyện cười

**b. Nội dung:** HS thực hiện phiếu học tậptheo nhóm đôi

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện phiếu học tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1 : I. Tìm hiểu tri thức**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*Em hãy đọc kĩ mục Truyện cười trong phần Tri thức Ngữ văn và thực hiện phiếu học tập 1*

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

***1. Khái niệm truyện cười***

Truyện cười là thể loại……, chứa đựng các yếu tố……, nhằm mục đích……….Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho………của tác giả dân gian

***2. Đặc điểm truyện cười***

|  |  |
| --- | --- |
| Yếu tố truyện cười | Đặc điểm |
| Cốt truyện |  |
| Bối cảnh |  |
| Nhân vật |  |
| Ngôn ngữ |  |
| Thủ pháp gây cười |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận, thực hiện phiếu học tập theo nhóm đôi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

*1. Truyện cười* là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.

*2. Đặc điểm của truyện cười*

*- Cốt truyện* thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ dó tạo ra tiêng cười.

*- Bối cảnh* thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.

*- Nhân vật* thường có hai loại:

Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biên trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xâu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể.

Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chê giễu, đả kích nhưng hiện tượng và những con người xâu xa của xà hội phong kiến (truyện *Trạng Quỳnh, Xiên Bột,...)* hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phú của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sông mang lại (truyện *Bác Ba Phi,...).*

*- Ngôn ngữ* thường ngăn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn

- Các *thủ pháp gáy cười* khá da dạng, linh hoạt:

a.Tạo tình huống trào phúng băng một trong hai cách sau hoặc kêt hợp cả hai cách:

+ Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động,...

+ Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật, tạo nên nhưng liên tưởng, đối sánh bất ngờ, hài hước, thú vị.

b.Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lối nói khoa trương, phóng đại, chơi chữ,...).

**Nhiệm vụ 2 : II. Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV mời 2 cặp đôi lên bảng. Mỗi cặp là một đội.

- GV có 2 nhóm từ khoá. GV cho HS bốc thăm để chọn nhóm từ khoá của đội mình.

- Sau khi chọn được nhóm từ khoá. Mỗi nhóm có 2p thể hiện phần thi: Từ khoá sẽ hiện trên bảng (nhóm từ khoá mà nhóm đã tự bốc thăm), một bạn dùng ngôn ngữ, cử chỉ, hành động để diễn tả từ khoá, nguyên tắc là không được nhắc đến các tiếng xuất hiện trong từ khoá. Bạn còn lại quay lưng vào bảng, đoán từ khoá qua diễn tả của bạn. Hai đội chơi lần lượt. Đội nào đoán được nhiều từ khoá hơn sẽ chiến thắng.

Lưu ý: Nếu bạn diễn tả nhắc đến một tiếng trong từ khoá là phạm luật và từ khoá đó không được tính.

\*Nhóm từ khoá:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhóm từ khoá 1 | Nhóm từ khoá 2 |
| * Truyện dân gian * Tiếng cười * Keo kiệt * Cái chày * Chủ nhà | * Hài hước * Thói hư tật xấu * Đôi giày * Hà tiện * Đầy tớ |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-Các nhóm trình bày

-Gv nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Nhiệm vụ 3: III. Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức đọc hiểu, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**Nội dung 2. VĂN BẢN 1, 2: VẮT CỔ CHÀY RA NƯỚC**

**MAY KHÔNG ĐI GIÀY**

**( Dự kiến thời gian 98 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**b. Nội dung**:

-Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin tìm hiểu chung về thể loại, văn bản.

- HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: ***Theo em như thế nào là keo kiệt?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

## Nhiệm vụ 2: I.Trải nghiệm cùng văn bản

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu 2 HS lần lượt đọc 2 văn bản và thực hiện yêu cầu:

- Xác định thể loại văn bản, nhân vật, phương thức biểu đạt, ngôi kể

- Tìm hiểu từ khó

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS đọc bài, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

- GV gọi HS nhận xét,bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

**1. Thể loại:** truyện cười

**2**. **Nhân vật:** người chủ nhà, ông hà tiện

**3. Phương thức biểu đạt:** tự sự

**4. Ngôi kể:** ngôi thứ 3

**5. Giải thích từ khó**

**Nhiệm vụ 3: II.Suy ngẫm và phản hồi**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

\* HS làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Xác định đề tài của hai truyện trên. Theo em, nhan đề “Vắt cổ chày ra nước” và “May không đi giày” có thể hiện được nội dung của mỗi truyện không? Vì sao?*

\*HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:

*Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện? Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?*

\* HS làm việc nhóm để thực hiện PHT 2: *Em hãy chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong thủ pháp gây cười của hai truyện*

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thủ pháp | Điểm giống nhau | Điểm khác nhau | |
| Vắt cổ chảy ra nước | May không đi giày |
| 1. Tạo các tình huống trào phúng |  |  |  |
| 2. Sử dụng các biện pháp tu từ |  |  |  |

\* HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:

*Câu nói: “Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!” của nhân vật “người đầy tớ” trong truyện “Vắt cổ chày ra nước” và câu nói: “... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thi rách mất mũi giày rồi còn gì!” của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện “May không đi giày” có vai trò như thê nào trong việc thê hiện chù đê của truyện?*

\* HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:

*Theo em, tác giả dân gian sáng tạo các câu chuyện trên với mục đích gì? Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua các truyện cười này.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT

- GV quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**1. Đặc điểm của truyện cười thể hiện qua hai văn bản**

*a. Đề tài:* thói keo kiệt, hà tiện

🡪 Nhan đề thâu tóm nội dung văn bản, khái quát được sự hà tiện, keo kiệt của các nhân vật

*b. Bối cảnh:* không xác định, không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ.

*c. Nhân vật:* nhân vật mang thói hư tật xấu phổ biến trong xã hội: thói keo kiệt, hà tiện

*d. Thủ pháp gây cười*

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thủ pháp | Điểm giống nhau | Điểm khác nhau | | |
| Vắt cổ chảy ra nước | May không đi giày |
| 1. Tạo các tình huống trào phúng | Kết hợp lời người kể và lời nhân vật hoặc lời các nhân vật để tạo nên những liên tưởng bất ngờ, thú vị… | Tình huống người đầy tớ xin tiền uống nước và đoạn đối thoại giữa hai nhân vật | Tình huống ôn hà tiện dù bị chảy máu vẫn nói may vì không bị rách giày |
| 2. Sử dụng các biện pháp tu từ | Biện pháp khoa trương, phóng đại | Câu nói của người đầy tớ | Chân dung của ông hà tiện |

*e. Ngôn ngữ:*

**+** *Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước! 🡪* khắc họa tính cách keo kiệt của ông chủ nhà

**+** *“... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thi rách mất mũi giày rồi còn gì! 🡪* khắc họa bản chất “hà tiện” của nhân vật

**2. Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả**

Qua hai câu chuyện trên, tác giả dân gian muốn phê phán thói keo kiệt, hà tiện trong xã hội.

**Nhiệm vụ 4: III. Tổng kết**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV hướng dẫn học sinh tổng kết giá trị về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản đã học

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS đọc bài, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

- GV gọi HS nhận xét,bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

**- Giá trị nội dung:**

Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói keo kiệt, tính toán chi li với người khác hoặc với chính bản thân mình.

**- Giá trị nghệ thuật:**

Truyện tạo tình huống trào phúng

Sử dụng các biện pháp tu từ cùng lối nói chơi chữ tạo tiếng cười cho người đọc.

**Nhiệm vụ 5: IV. Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV phổ biến cách chơi trò chơi “Ong tìm chữ” và tổ chức trò chơi với các câu hỏi:

**Câu 1:** Xác định đề tài của hai truyện?

Đáp án: Thói keo kiệt, hà tiện.

**Câu 2:** Tác giả của truyện *“Vắt cổ chày ra nước”* là ai?

**Câu 3:** Trong truyện *“Vắt cổ chày ra nước”*, người chủ nhà đã làm gì khi người đầy tớ xin tiền uống nước?

**Câu 4:** Trong truyện *“May không đi giày”*, ông hà tiện đi gì ra chợ?

**Câu 5:** Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện cười?

**Câu 6:** Đỉnh điểm gây cười trong truyện *“Vắt cổ chày ra nước”*thể hiện ở câu nào?

**Câu 7:** Đỉnh điểm gây cười trong truyện *“May không đi giày”*thể hiện ở câu nào?

**Câu 8:**Các nhân vật trong hai truyện thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?

**Câu 9:** Điểm giống nhau trong thủ pháp tạo tình huống trào phúng của hai truyện là gì?

**Câu 10:** Điểm khác nhau trong thủ pháp tạo tình huống trào phúng giữa hai truyện là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi theo luật chơi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tham gia trò chơi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chốt lại kiến thức

**Nhiệm vụ 6: V. Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Viết một đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận tìm ý theo kĩ thuật think-pair-share.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trình bày đoạn văn của mình

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá .

**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề*:*** phân biệt tiết kiệm và keo kiệt **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp.   ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày thuyết phục về vấn đề cần bàn luận.   (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, có dẫn chứng thuyết phục, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.   (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện rõ thái độ, quan điểm của mình chưa? Các lí lẽ, dẫn chứng có thuyết phục người đọc theo quan điểm đó không?

**NỘI DUNG 3: VĂN BẢN 3,4: KHOE CỦA, CON RẮN VUÔNG**

**(Dự kiến thời gian 90 phút)**

**a)Mục tiêu:** -Nắm được những yếu tố cơ bản của truyện cười thể hiện trong văn bản như: cốt truyện, nhân vật, bối cảnh.

- Phê phán tính hay khoe khoang, tính khoác lác của một số hạng người trong xã hội

- Bài học rút ra từ 2 câu chuyện trên.

**b) Nội dung:** Học sinh sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với hình ảnh sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:  
1. Nhìn hình ảnh và đoán chữ?

2. Em thấy hình ảnh có liên quan gì đến nội dung bài học hôm nay?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** chiếu hình ảnh

**HS:-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.



**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc - hiểu văn bản

## Nhiệm vụ 2: I.Trải nghiệm cùng văn bản

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**1. Đọc, tóm tắt văn bản:**

- Hướng dẫn cách đọc

- Yêu cầu HS đọc, tóm tắt ngắn gọn văn bản

**2. Tìm hiểu chung về văn bản**

+ Xác định thể loại của văn bản?

+ Xác định phương thức biểu đạt?

+ Ngôi kể và các nhân vật chính của cả 2 văn bản?

- Nhiệm vụ:

HS hoàn thành các câu trả lời trên

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

**-** Yêu cầu HS đọc, tóm tắt văn bản

- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc

**GV gợi ý:** Dựa vào những thông tin trong phần tri thức ngữ văn và phần khởi động, hãy hoàn thành các câu hỏi trên

**HS**: Trả lời đầy đủ các yêu cầu trong câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc và phần tóm tắt của bạn

**GV:** Gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi.

**HS:**

- Đại diện trình bày từng nội dung trong câu hỏi.

- Những bạn còn lại lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

## I.Trải nghiệm cùng văn bản

**1. Đọc, tóm tắt văn bản:**

- Nhận xét cách đọc và phần tóm tắt của HS

- Chốt cách đọc, chốt nội dung tóm tắt

**2. Tìm hiểu chung về văn bản:**

- *Thể loại*: truyện cười

- *Phương thức biểu đạt*: tự sự

- *Ngôi kể*: ngôi thứ ba

- *Nhân vật chính*: Hai anh chàng khoe của, hai vợ chồng nhà kia

- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).

**-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

**Nhiệm vụ 3. II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Một số yếu tố của truyện cười.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**GV chia lớp làm 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau:**

**Nhóm 1,2**: Hoàn thành phiếu học tập số 1:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Khoe của** | **Con rắn vuông** |
| Đề tài |  |  |
| Bối cảnh |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Ngôn ngữ |  |  |

**Nhóm 2,3:** Hoàn thành phiếu học tập số 2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ pháp gây cười** | **Khoe của** | **Con rắn vuông** |
| Giống nhau |  |  |
| Khác nhau |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trả lời các câu hỏi.

- GV theo dõi, hướng dẫn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận

Các học sinh khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**1. Một số yếu tố của truyện cười.**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Khoe của** | **Con rắn vuông** |
| Đề tài | Châm biếm thói khoe khoang. | Châm biếm thói khoác lác. |
| Bối cảnh | Không miêu tả tỉ mỉ, cụ thể | Không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. |
| Nhân vật | - Cả 2 nhân vật (anh tìm lợn và anh có áo mới) đều là hiện thân của sự khoe khoang.  - Điều đó được thể hiện rõ qua lời đối đáp của 2 nhân vật | - Nhân vật anh nói khoác (người chồng), hiện thân của tật xấu khoác lác.  - Điều đó được thể hiện rõ qua lời đối đáp của anh chồng với người vợ của mình |
| Ngôn ngữ | Ngắn gọn, súc tích, hài hước. | Ngắn gọn, súc tích, hài hước. |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thủ pháp gây cười** | **Khoe của** | | **Con rắn vuông** |
| Giống nhau | -Mâu thuẫn trong lời nói của các nhân vật mà tiếng cười hướng đến anh tìm lợn và anh mặc áo mới; anh chồng khoác lác  **-** Biện pháp khoa trương, phóng đại. | | |
| Khác nhau | Cả 2 nhân vật trong truyện đều cố ý nói thừa những thông tin không cần thiết với mục đích khoe khoang. | Đó là mâu thuẫn trong lời miêu tả của anh chàng khoác lác về bề ngang và bề dài của con rắn. | |

**2. Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc hai văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

HĐ cá nhân trả lời câu hỏi:

- Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.

- Em rút ra được bài học gì sau khi đọc hai VB truyện cười này?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.

GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi

Các HS khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả:

+ Tác giả dân gian muốn phê phán thói khoe khoang, khoác lác trong xã hội.

+ Tác giả đã quan sát tính cách khoe khoang, khoác lác dưới góc nhìn hài hước, xây dựng những bước chân dung lạ đời, qua đó phê phán những hiện tượng này.

- Suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc: Nhận thức được thói khoe khoang, khoác lác là một tật xấu. Chúng ta không nên khoác lác, phóng đại sự thật mà phải trung thực, tôn trọng sự thật. Nếu cố chấp nói khoác, câu chuyện của bạn sẽ bị phát hiện và tạo thành câu chuyện cười cho những người khác, tự mình làm xấu mình.

**Nhiệm vụ 4: III.Tổng kết**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS hoàn thành các câu hỏi của GV

GV theo dõi và hướng dẫn

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi. Các hs khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm

**III. Tổng kết:**

**1. Nội dung:**

Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói khoe khoang, khoác lác.

**2. Nghệ thuật:**

- Truyện tạo tình huống trào phúng.

- Sử dụng các biện pháp tu từ khoa trương phóng đại.

- Sự độc đáo trong lời đối đáp của các nhân vật.

**Nhiệm vụ 5: IV.Luyện tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Câu 1: Trong truyện Khoe của, anh chàng khoe lợn đã nói thừa chữ gì?**

A. Lợn

**B. Cưới**

C. Con lợn

D. Thấy

**Câu 2: Anh chàng khoe áo nói thừa cụm từ nào sau đây?**

**A. Từ lúc tôi mặc cái áo mới này**

B. Tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả

C. Cả 2 cụm từ trên

**Câu 3**: Trong truyện Con rắn vuông, người chồng đã rút ngắn chiều dài của con rắn xuống mấy lần?

A. 3 lần

B. 4 lần

C. 5 lần

D. 6 lần

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tham gia trả lời

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chốt lại kiến thức

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: B

Câu 2: A

Câu 3: C

**Nhiệm vụ 6: V.Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

Từ truyện cười *Con rắn vuông*, hãy viết một đoạn văn (khoảng 1 trang giấy) bày tỏ ý kiến của em về tính khoác lác?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS hoạt động theo nhóm, tổ đã được phân công và hoàn thành nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV khuyến khích học sinh hoàn thành sản phẩm trên lớp

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét và tuyên dương HS có bài viết tốt

**NỘI DUNG 4: Đọc kết nối chủ điểm TIẾNG CƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ?**

*(O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn)*

**(Dự kiến thời gian 45 phút)**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung Văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Vắt cổ chày ra nước; May* *không mang giày*; *Khoe của; Con rắn vuông* để hiểu hơn về chủ điểm *Sắc thái của tiếng cười*.

***b. Nội dung:***

Kiến thức đã học ở bài 1 và 2

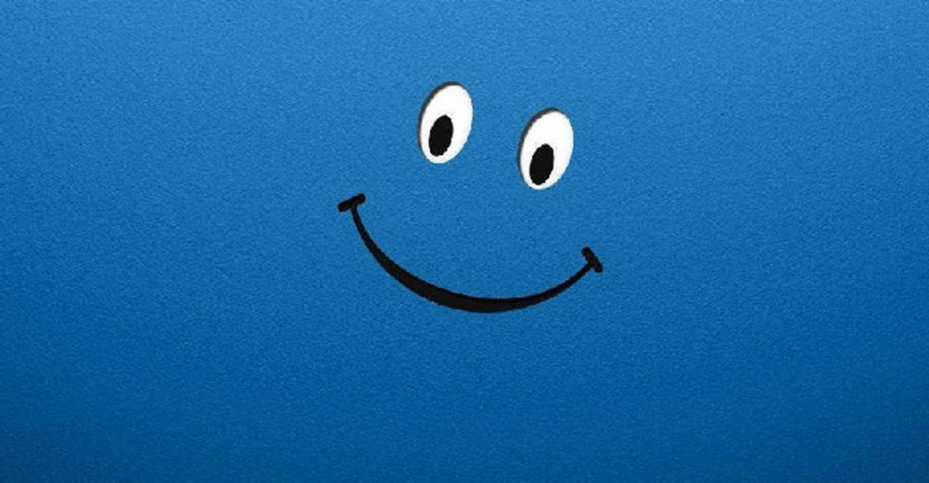
***c. Sản phẩm:*** Bài làm của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện:***

### Nhiệm vụ 1: Khởi động

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

1. Học sinh quan sát ảnh và nêu lên suy nghĩ của mình.



2. Em thấy hình ảnh có liên quan gì đến nội dung bài học hôm nay?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** chiếu hình ảnh.

**HS:**

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**- GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**- HS** trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

*Ông bà ta có câu “Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”. Câu nói đó đã khẳng định một phần ý nghĩa của nụ cười trong cuộc sống. Thật vậy, tiếng cười với rất nhiều sức mạnh để chữa lành và tạo mới; giúp tăng cường các mối quan hệ của bạn, hỗ trợ cả sức khỏe thể chất và cảm xúc. Đây là một loại thuốc vô giá nhưng rất thú vị, miễn phí và dễ sử dụng. Để tìm hiểu về lợi ích của tiếng cười chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.*

### Nhiệm vụ 2: I. Trải nghiệm cùng văn bản

**1: Tìm hiểu về tác giả:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi những thông tin chính về tác giả, tác phẩm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại điện cặp đôi trình bày. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**1. Tác giả:**



- Tiến sĩ **Orison Swett Marden** (1848–1924) là một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ. Các bài viết của ông thảo luận về các nguyên tắc và đức tính thông thường giúp tạo nên một cuộc sống thành công và toàn diện.

**2.Tìm hiểu về tác phẩm**.

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung về văn bản.

Vấn đề chủ yếu thể hiện trong VB là gì?

Xác định thể loại của VB?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc văn bản.

- Xác định vấn đề chính của VB.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.

- GV và HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

**2. Tác phẩm**

a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích.

b. Tìm hiểu chung về văn bản.

**-** Văn bản đề cập đến những lợi ích của tiếng cười.

- Thể loại: Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

### Nhiệm vụ 3: II. Suy ngẫm và phản hồi

### 1. Hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- **GV chia lớp làm 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau:**

Văn bản đề cập đến những lợi ích nào của tiếng cười?

Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản?

**-** Hoàn thành phiếu học tập:

Vấn đề bàn luận

Ý kiến

Ý kiến

Ý kiến

Lí lẽ, bằng chứng

Lí lẽ, bằng chứng

Lí lẽ, bằng chứng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trả lời các câu hỏi.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

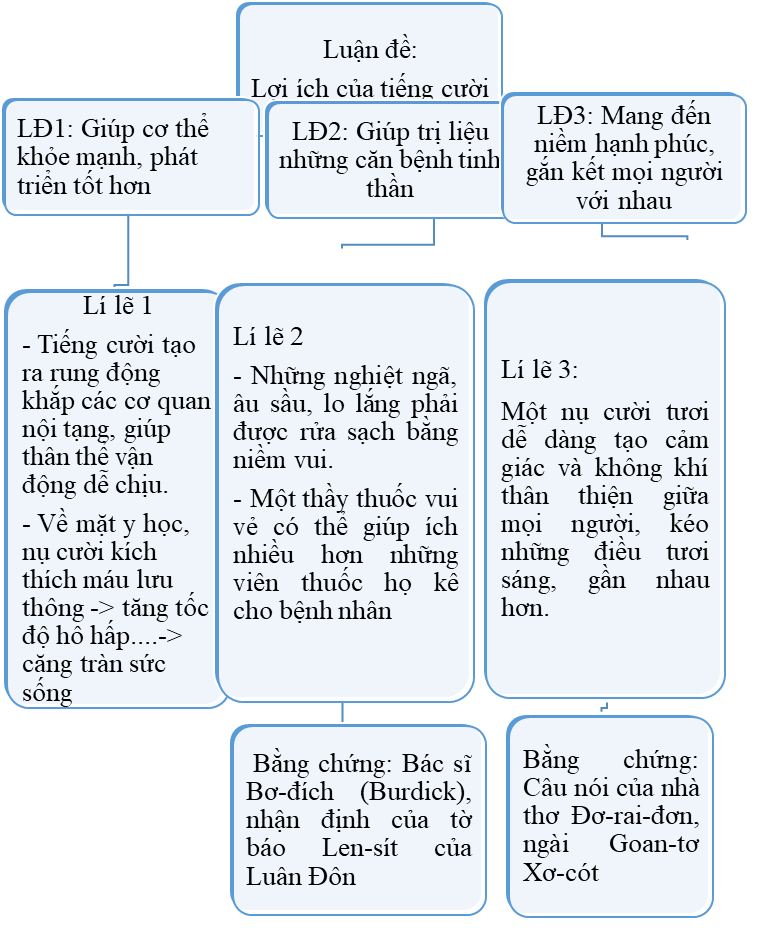
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Các học sinh khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.

****

**1.**  **Lợi ích của tiếng cười:**

- Giúp cơ thể khỏe mạnh.

- Trị liệu những căn bệnh tinh thần.

- Mang đến niềm vui, gắn kết mọi người với nhau.

**2. Mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**

+ Giúp thân thể vận động dễ chịu.

+ Kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn.

+ Cơ thể căng tràn sức sống; Cơ thể được cấu trúc vững chắc và hài hòa hơn.

- Trị liệu những căn bệnh tinh thần.

+ Một thầy thuốc vui vẻ sẽ giúp ích nhiều hơn viên thuộc họ kê cho bệnh nhân; Dẫn chứng về vị bác sĩ Bơ-đích (Niu Oóc)

- Mang đến niềm vui, gắn kết mọi người với nhau.

+ Tạo không khí thân thiện giữa mọi người, kéo điều tươi sáng đến gần ta hơn.

**3.Tầm quan trọng của tiếng cười.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau:

? Em hiểu thế nào về câu ngạn ngữ ở cuối văn bản?

? Việc tác giả dùng câu ngạn ngữ làm câu kết có ý nghĩa gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời

- GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- HS hoàn chỉnh các nội dung trong các câu hỏi **.**

Tiếng cười giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong cuộc sống. Trong công việc, học tập, khi gặp khó khăn bất trắc chúng ta hãy lạc quan, tạo sự hài hước vui vẻ để tiếp thêm sức mạnh vươn lên. Nhưng cũng cần tránh những hành động gây cười lố bịch như những anh chàng keo kiệt, khoe khoang, khoác lác mà chúng ta đã được học ở các VB trước.

**Tầm quan trọng của tiếng cười:**

- Ý nghĩa của câu ngạn ngữ ở cuối văn bản: Niềm vui giúp cho cuộc sống của con người ý nghĩa hơn, đáng sống hơn và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tác giả sử dụng câu này để khẳng định tầm quan trọng của tiếng cười trong cuộc sống của con người.

**4. Làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau:

Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời

- GV gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- HS hoàn chỉnh các nội dung trong các câu hỏi **.**

**4.Làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?**

- Suy nghĩ tích cực hơn.

- Làm việc tốt mỗi ngày.

- Đọc truyện cười, hay những cuốn sách mang ý nghĩa tích cực.

- Học cách trân trọng những giá trị của cuộc sống.

**Nhiệm vụ 4: III.Tổng kết**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau:

? Theo em, tiếng cười có lợi ích gì ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời

- GV gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

### Nhiệm vụ 5: IV.Luyện tập

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi yêu càu HS suy nghĩ, tìm câu trả lời đúng nhất.

- **Câu 1:** Tác giả của văn bản là:

A. Một nhà thơ nổi tiếng người Anh

1. Một chính khách người Pháp

**C. Một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ**

D. Một nhà tâm lí học có ảnh hưởng lớn người Canada

**Câu 2:** Văn bản được trích từ:

A. Cuộc sống tươi đẹp làm sao

B. Nghệ thuật và tiếng cười

C. Mười vạn câu hỏi vì sao

**D. Bắt đầu mỗi ngày bằng nụ cười, ngay cả tăm tối cũng phải tươi rói**

**Câu 3:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

**D. Nghị luận**

**Câu 4:***“Một trái tim vui cũng như một phương thức tốt”.* Đây là một câu:

**A. Ngạn ngữ**

B. Ca dao

C. Tục ngữ

D. Thơ

**Câu 5:** Tác giả cho rằng một nụ cười tươi có tác dụng gì?

A. Giúp chúng ta có thể ra đi thanh thản lúc cuối đời.

B. Ngay lập tức chuyển đổi trạng thái tinh thần từ căm hận sang yêu mến.

**C. Dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn.**

D. Tất cả các đáp án trên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

- Các HS khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

### Nhiệm vụ 6: V. Vận dụng

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Giáo viên giao bài tập cho HS.

- **Đề**: Tiếng cười giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong cuộc sống. Em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về cách lan tỏa nụ cười trong gia đình hoặc lớp học của em.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét bài làm của HS.

**NỘI DUNG 5- THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**

**Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị**

(Dự kiến thời gian 45 phút)

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Nêu được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân trong việc sử dụng nghĩa tường minh và hàm ẩn; từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã học để trả lời các câu hỏi về từ Hán Việt đã học để củng cố bài học.

- Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

- Chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

## d. Tổ chức hoạt động

### Nhiệm vụ 1: Khởi động

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*GV cho HS chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”.*

HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

Học sinh quan sát đoạn văn và nêu lên suy nghĩ của mình.

HS trao đổi, chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**: Gọi đại diện HS trả lời.

**HS**:

- Đại diện trả lời câu hỏi.

- Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Thực hành Tiếng Việt để giúp HS hình thành kiến thức.

## - Chốt kiến thức và chuyển sang mục sau.

## Nhiệm vụ 2: I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT:

**1.Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Cho HS đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.

Tôi muốn thử sức nên nhìn mẹ tôi hỏi:

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ cúi đầu nhìn tôi với cặp măt âu yếm:

-Thôi để mẹ cầm cũng được.

Nêu hiểu biết của em về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu văn ?

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Câu văn | Hàm ý |
| 1 | *Mẹ đưa bút thước cho con cầm.* |  |
| 2 | *Thôi để mẹ cầm cũng được.* |  |

Qua tìm hiểu ở trên, em hãy cho biết: Thế nào là nghĩa tường minh? Thế nào là nghĩa hàm ẩn ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV**: Gọi đại diện HS trả lời.

**HS**:

- Đại diện trả lời câu hỏi.

- Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS

- Chốt kiến thức và chuyển sang mục sau.

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Câu văn | Hàm ý |
| 1 | *Mẹ đưa bút thước cho con cầm.* | Mẹ hãy để con tự thử sức. |
| 2 | *Thôi để mẹ cầm cũng được.* | Không đồng ý vì nghĩ con còn nhỏ, chưa đủ sức, phải có mẹ giúp đỡ. |

**-** *Nghĩa tường minh* là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa

chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

*- Nghĩa hàm ẩn* là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến.

Ví dụ: *Có công mài sắt, có ngày nên kim.* (Tục ngữ)

- Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hàng ngày.

**2.Tìm hiểu về từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng giá trị**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

**Phiếu học tập số 2:**

(?) Tìm từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương ứng trong đoạn lời bài hát, đoạn thơ sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Đoạn lời bài hát, đoạn thơ | Từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng |
| 1 | Má trồng toàn những cây dễ thương  Nào là hoa, là rau, là lúa  Còn ba trồng toàn cây dễ sợ…  ( Vườn cây của ba- Phan Nhân) |  |
| 2 | Sáng ra bờ suối, tối vào hang  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng  (HCM) |  |

? Qua phần tìm hiểu trên, em hãy cho biết: Thế nào là từ ngữ địa phương? Thế nào là từ ngữ toàn dân?

? Chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- **GV**:

- Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.

**HS**:

- Trả lời câu hỏi.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận. nhận định**

- Nhận xét thái độ làm việc của HS.

- Đánh giá sản phẩm của HS.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần thực hành.

**-** Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương ứng :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Đoạn lời bài hát, đoạn thơ | Từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng |
| 1 | Má trồng toàn những cây dễ thương  Nào là hoa, là rau, là lúa  Còn ba trồng toàn cây dễ sợ…  (Vườn cây của ba- Phan Nhân) | - Má (mẹ)  - Ba (cha, bố) |
| 2 | Sáng ra bờ suối, tối vào hang  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng  (HCM) | Bẹ (ngô) |

*- Từ ngữ toàn dân* là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.

*- Từ ngữ địa phương* là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.

- Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.

Ví dụ: *Dừng lại đây hắt một mớ chim đi, tía!* (Đoàn Giỏi, Đấ*t rừng phương Nam)*

Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của nhân vật.

**Nhiệm vụ 3:** **II. Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

1. Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:

*a.- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?*

*- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe của)*

b.- *Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông)*

1. Đọc lại truyện *vắt cổ chày ra nước* và thực hiện các yêu cầu sau:

a.Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: *“Thế thì tao cho mượn cái này!”* của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó?

b.Người đày tớ thực sự muốn nói gì qua câu: *“Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!”?*

c.Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ *vắt cổ chày ra nước?* Đặt câu có sử dụng thành ngữ này.

3.Đọc truyện cười *Văn hay* trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau:

a.Câu nói của người vợ: “Ông *lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?"* có nghĩa hàm ẩn gì?

b.Thầy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó?

c.Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao?

3.Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó.

4.Các từ ngừ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm?

*a.Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông)*

*b.Khoai sắn tình quê rất thiệt thà!*

(Tố Hữu, *Nhớ đồng)*

*c.Thò tay mà bứt cọng ngò*

*Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ.*

(Ca dao)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- **GV**:

- Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.

**HS**:

- Trả lời câu hỏi.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận dịnh**

- Nhận xét thái độ làm việc của HS.

- Đánh giá sản phẩm của HS.

**II. Luyện tập**

***\* GV có thể cho HS chơi trò chơi tiếp sức xen kẽ các bài tập.***

## → Mỗi Đội tìm 5 từ ngữ địa phương thời gian 2 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ngữ địa phương lên bảng. Sau 2 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà!

**-** Bài tập 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp:

1. *Mục đích của người nói trong câu trên là khoe khoang: khoe con lợn cưới và chiếc áo mới. Chúng ta có thể nhận ra nghĩa hàm ẩn này là nhờ vào thông tin thừa (lợn “cưới”,từ lúc “tôi mặc cái áo mới này”) mà người nói đã cố tình thêm vào câu nói.*
2. *Câu:”Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?”: có nghĩa hàm ẩn: Anh đang nói khoác. Chúng ta có thể nhận ra nghĩa hàm ẩn này là nhờ vào tri thức nền: Trên đời này không có con rắn vuông bốn góc.*

Bài tập 2:

1. -Nghĩa hàm ẩn trong câu nói: Người chủ nhà muốn người đày tớ vận cái khố tải vào người, khi nào khát thì vặn ra mà uống.

- Nghĩa hàm ẩn được thể hiện trong câu nói ngay sau đó: “Vận vào…mà uống”.

1. Hàm ý của người đày tớ được thể hiện trong câu nói tiếp theo: “ Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước !” ( Mỉa mai chủ nhà quá keo kiệt)
2. Truyện cười “Vắt cổ chày ra nước” giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của thành ngữ: “Vắt cổ chày ra nước” (quá keo kiệt)

Bài tập 3:

1. Nghĩa hàm ẩn của câu:“Ông *lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?"* được thể hiện qua lượt thoại tiếp theo của người vợ: “ Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được”. Ở câu nói này, người vợ đã trêu đùa người chồng về khả năng viết lách của ông: bản thảo có thể bỏ đi.
2. Thầy đồ không hiểu đúng câu nói của vợ mình. Điều này thể hiện qua chi tiết: “ Thầy đồ lấy làm đắc chí… giấy khổ nhỏ không đủ chép”.
3. Không. Vì: Hàm ý và suy ý có thể khác nhau. Điều này phụ thuộc vào kiến thức nền, kĩ năng ngôn ngữ của mỗi người.

Bài tập 4:

HS tự sưu tầm.

VD: Truyện cười: Chiếm hết chỗ

Bài tập 5:

1. Từ “nom” được sử dụng ở vùng miền

Bắc. Tác dụng: tô đậm sắc thái địa phương; làm cho nhân vật trở nên chân thật, sinh động hơn.

1. Từ “thiệt thà” được sử dụng ở vùng miền Trung và miền Nam: làm cho màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét.
2. Giả đò, ngò, ngó lơ: được sử dụng ở vùng miền Nam: đã làm nên màu sắc riêng cho câu ca dao.

6.Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.

***Ví dụ đoạn hội thoại:***

Giờ tan học, Lan rủ Hoa:

- Mai được nghỉ học, bạn sang nhà tôi chơi nhé!

Hoa trả lời:

- Mai **tui** phải coi nhà cho mẹ rồi.

Lan nói tiếp:

- Vậy chủ nhật tuần sau nhé!

Hoa trả lời:

- Chắc được á!

Sau đó, chúng tôi trở về nhà với một tậm trạng thật vui!

***Câu văn có nghĩa hàm ẩn và từ địa phương:*** Mai **tui** phải coi nhà cho mẹ rồi.

- ***Từ địa phương: tui***

***Nghĩa hàm ẩn: Tôi không đi chơi với bạn được.***

## Nhiệm vụ 4: III.Vận dụng

***Bước1: Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên giao bài tập cho HS ( bài tập 6). Có thể cho HS về nhà làm.

Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

***Bước4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS.

**Ví dụ về đoạn văn có sử dụng hàm ẩn:**

Giờ ra chơi, Hùng rủ Phong:

- Chiều nay học có hai tiết, bạn có ở lại đá banh với tụi mình không?

Phong nói:

- Học xong, mẹ tớ đến đón rồi.

Hùng tiếp lời:

-Vậy thôi bạn về trước đi nhé!

Thế rồi chúng em ra về.

***Câu văn có nghĩa hàm ẩn:*** Học xong, mẹ tớ đến đón rồi.

Hàm ý: Tớ không ở lại đá banh với các cậu được.

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 4 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**NỘI DUNG 6: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: VĂN HAY**

**(Dự kiến thời gian 40 phút)**

**a. Mục tiêu:** - Tìm hiểu đề tài, cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ

- HS chỉ ra và phân tích được những chi tiết gây cười trong văn bản

- HS chỉ ra và phân tích những câu có nghĩa hàm ẩn hoặc sử dụng biện pháp tu từ nói quá, nói lái, chơi chữ …

**b. Nội dung:** Câu hỏi gợi mở

HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

**c. Sản phẩm:** Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

## Nhiệm vụ 1: Khởi động

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: ***Em đã được học những tác phẩm nào thuộc thể loại truyện cười? Ngoài các tác phẩm ấy, em còn đọc được tác phẩm nào thuộc thể loại này không?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**Nhiệm vụ 2:I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**Đọc, xác định đề tài, thể loại**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:*

+ Xác định thể loại của văn bản.

+ Xác định đề tài của văn bản

*- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.

- HS lắng nghe.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

**Đọc, xác định đề tài, thể loại**

- Thể loại: Truyện cười

- Đề tài: Truyện cười trên thuộc đề tài châm biếm.

**Nhiệm vụ 3:****II. Suy ngẫm và phản hồi**

**Tìm hiểu chi tiết**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

*+ Xác định bối cảnh, cốt truyện*

*+ Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về nhân vật này?*

*+ Tác giả dân gian đã tạo ra tiếng cười cho truyện trên bằng cách nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

**GV chốt lại kiến thức.**

**Tìm hiểu chi tiết**

**1/ Cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ truyện**

- Cốt truyện xoay quanh tình huống một ông chồng cứ tưởng mình viết đẹp nhưng mà sự thực thì không phải vậy. - Bối cảnh gần gũi là hình ảnh hai vợ chồng trao đổi, giao tiếp hàng ngày.

**2. Nhân vật người vợ**

- Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết: “Bà vợ đến bên cạnh bảo: Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không.; Bà vợ thong thả nói: Ông chả biết tính toàn gì cả....”

- Nhân vật này biết cách nói ẩn ý để châm chọc ông chồng của mình nhưng không khiến ông chồng cảm thấy bị xúc phạm.

=> Tác giả dân gian đã tạo tiếng cười cho truyện bằng cách dùng lời nói của người vợ để châm biếm nhưng người chồng vẫn không hiểu.

**Nhiệm vụ 4:III.TỔNG KẾT**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**1/ Nội dung**

Câu chuyện kể về tình huống châm biếm của người vợ đối với người chồng mang lại tiếng cười trào phúng cho người đọc.

**2/ Nghệ thuật**

- Lối viết châm biếm, ngôn ngữ sinh động

**Nhiệm vụ 5:IV.Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

Các tổ lựa chọn thành viên, đóng vai diễn lại câu chuyện

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp xem nghe, nhận xét

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**Nhiệm vụ 6:V.Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về sự khác nhau giữa tự tin và tự cao

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá

**NỘI DUNG 7:** **VIẾT:** **VIẾT** **BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

**(Dự kiến thời gian 90 phút)**

**a. Mục tiêu:** - Nắm được khái niệm về bài văn kể lại một hoạt động xã hội có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

- Bước đầu vận dụng quy trình viết để làm một bài văn kể lại một hoạt động xã hội có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.

**Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống: Giáo dục lòng yêu thương con người, đồng cảm với những hoàn cảnh cảnh đặc biệt**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** PHT, câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1. Khởi động**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***

*-* GV cho HS xem đoạn clip và đặt câu hỏi:

? Em đã từng tham gia hoạt động xã hội nào

? Nêu cảm nghĩ của mình khi tham gia các hoạt động ấy

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, giơ tay trả lời câu hỏi.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- HS chia sẻ cảm nhận.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung cho bạn.

***Bước 4:* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá; dẫn dắt vào bài: Những hoạt động xã hội giúp bản thân chúng ta có nhiều kỉ niệm đáng nhớ. Vậy làm thế nào để viết được bài văn như vậy? Chúng ta cùng tìm hiểu bào học hôm nay

**Nhiệm vụ 2: I. Tri thức về kiểu bài**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Bài văn kể lại một hoạt động xã hội là gì?

+ Khi viết bài văn kể lại một hoạt động em cần chú ý đến những yêu cầu gì?

+ Hãy nêu bố cục của bài văn ấy?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS thực hiện nhiệm vụ

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

- HS chia sẻ.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

***Bước 4:* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chốt kiến thức ghi bảng.

**I. Tri thức về kiểu bài văn kể lại một hoạt động xã hội**

**1. Khái niệm:** Bài văn kể lại một hoạt động xã hội thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong đó người viết kể lại các sự việc của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này**.**

**2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**

Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi kể thứ nhất

Nêu được thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể, miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.

Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý.

Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố ấy.

**3.**Bố cục bài viết phải đảm bảo:

+ Mở bài: giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc

+ Thân bài: nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể, miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động; kết hợp yếu tố miêu tả,biểu cảm.

+ Kết bài: khẳng định giá trị của hoạt động, nêu cảm nhận mà hoạt động gợi ra.

**Nhiệm vụ 3: II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***

- GV yêu cầu HS: Đọc văn bản *Chuyến thăm bệnh nhi tại bệnh viện Ung bướu* thảo luận nhóm đôi 5 phútvà trả lời câu hỏi:

**1.** Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự các sự việc được kể trong bài viết?

**2.** Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.

**3.** Xác định ngôi kể của bài viết? Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?

**4.** Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi, quan sát

***Bước 3:* Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS các nhóm chia sẻ.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

***Bước 4:* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**II.Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**1.** Bài văn viết về hoạt động xã hội *Chuyến thăm bệnh nhi tại bệnh viện Ung bướu*

Các sự việc được kể trong bài viết theo trình tự thời gian

**2.** Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể (đoạn 2)

**3.**  Ngôi kể thứ nhất “xưng tôi”. Chọn ngôi kể thứ nhất để câu chuyện thêm chân thực và cảm nhận sâu sắc

**4.** Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung em hình dung chân thực các sự việc, câu chuyện thêm sinh động , hấp dẫn.

**Bố cục 3 phần:**

**+ Mở bài: Từ** *Tôi thường băn khoăn….thăm bệnh nhi ung bướu*

**+ Thân bài:** *TT…..gửi đến các em*

**+ Kết bài:** *Còn lại*

**Cụ thể:**

**\* Mở bài:**

**-** Giới thiệu hoạt động xã hội sẽ viết

**\* Thân bài:**

- Nêu khái quát thông tin về hoạt động

- Kể lại sự việc thứ 1

- Nêu thời gian, địa điểm, miêu tả quang cảnh của hoạt động

- Kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm

- Kể sự việc thứ 2

**\* Kết bài:** - Khẳng định ý nghĩa, nêu cảm nghĩ của hoạt động

Tích hợp giáo dục đạo đức lối sống: Giáo dục lòng yêu thương con người, đồng cảm với những hoàn cảnh cảnh đặc biệt

**Nhiệm vụ 4: III. Hướng dẫn quy trình viết**

**\* Quy trình viết bài văn**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

*Đề bài: Hãy viết bài văn kể lại một họat động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên.*

Đọc phần hướng dẫn về quy trình viết trong SGK/91-93

- GV yêu cầu HS: Quy trình viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội gồm mấy bước?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời.

- GV gọi HS nhận xét.

**Bước 4:Kết luận, nhận định**

**Quy trình viết bài văn**

Gồm 4 bước:

**Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

Để việc viết hiệu quả, em cần xác định:

- Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường/ tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật kí cho chính mình,...)?

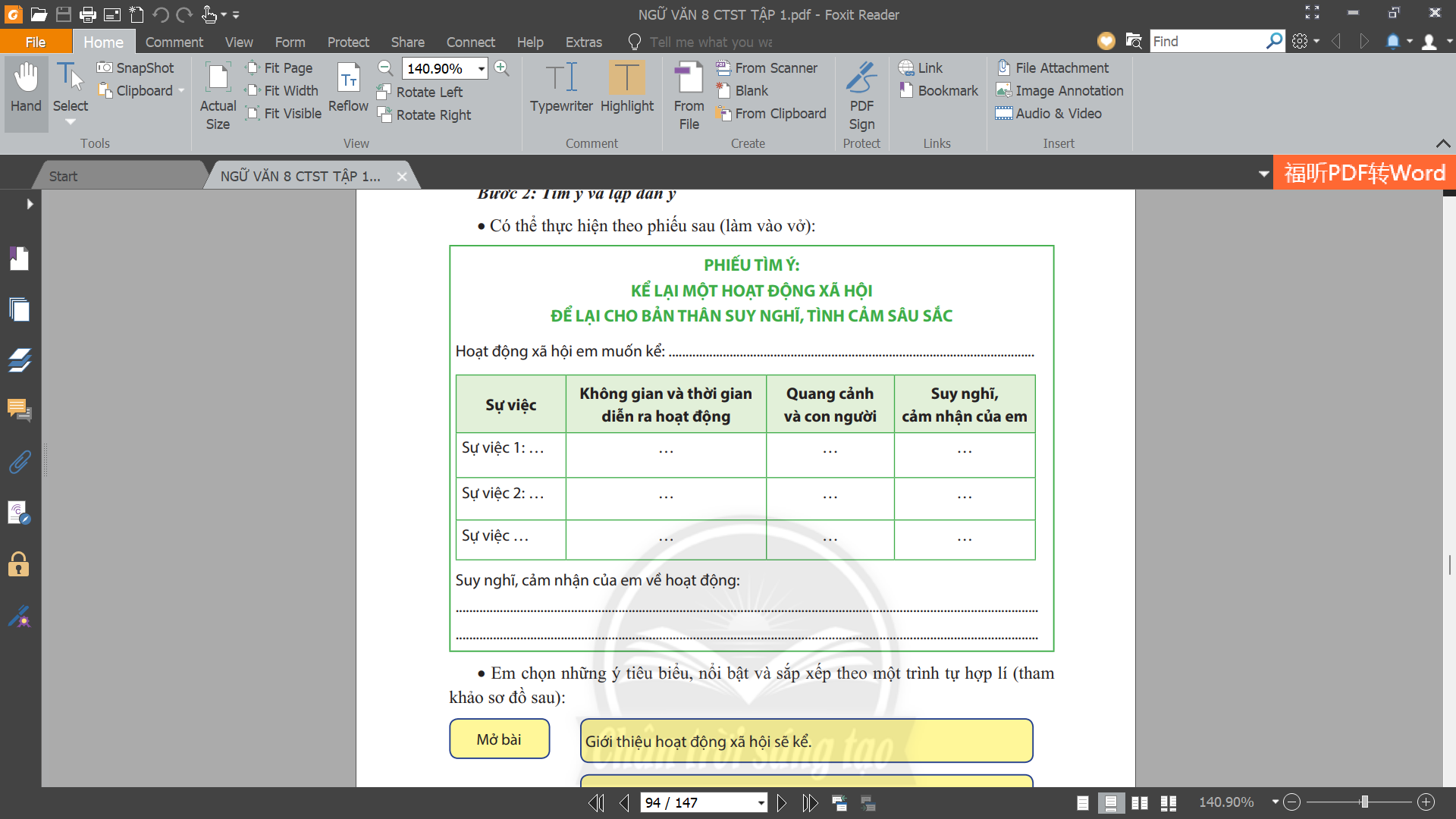
- Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?

- Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

**\* Tìm ý:** Theo phiếu tìm ý SGK : Xác định một số định hướng chung: Sự việc, không gian, thời gian diễn ra hoạt động, diễn biến diễn ra hoạt động, quang cảnh và con người, suy nghĩ, cảm nhận của em.

- Ghi lại các sự việc.

****

Em chọn những ý tiêu biểu, nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lý :

\* **Lập dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| Mở bài | Giới thiệu hoạt động xã hội sẽ kể |
| Thân bài | 1. Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội: Đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,…  2. Kể lại trình tự hoạt động:  - Sự việc 1  - Sự việc 2  - Sự việc 3  (Kết hợp yếu tố miêu tả,biểu cảm) |
| Kết bài | - Khẳng định ý nghĩa của hoạt động  - Nêu suy nghĩ tình cảm của bản thân. |

**Bước 3: Viết bài**

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Cần đảm bảo yêu cầu đối với kiểu bài

- Bám sát dàn ý đã thực hiện ở bước 2

- Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm hợp lí, chọn lọc

- Đảm bảo bố cục ba phần và chức năng từng phần

- Chú ý lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả.

**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

Đọc lại bài viết, ghi nhận những tiêu chí đã đạt, chỉnh sửa những tiêu chí chưa đạtdựa vào bảng kiểm (xem phụ lục)

**Nhiệm vụ 5:** **Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**Nhiệm vụ 6: Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV xem và nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

+ Soạn bài *tiếp theo*

**\*Phụ lục**

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể |  |  |
| Thân bài | Hoạt động được kể lại theo ngôi thứ nhất |  |  |
| Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động |  |  |
| Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý |  |  |
| Sử dụng hợp lí yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố này |  |  |
| Kết bài | Khẳng định ý nghĩa của hoạt động |  |  |
| Nêu được suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân |  |  |
| Diễn đạt | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, dùng từ |  |  |

**Nội dung 8: NÓI VÀ NGHE**

THẢO LUẬN Ý KIẾN VẾ MỘT VẤN ĐẾ CỦA ĐỜI SÕNG

(Dự kiến thời gian: 85 phút)

**a. Mục tiêu:**

- Biết thảo luận ý kiến về 1 vấn đề của cuộc sống.

- Trình bày được ý kiến của mình.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài ý kiến về 1 vấn đề của cuộc sống.

- Yêu cuộc sống và nhận ra những giá trị tốt đẹp của cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

- HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

- Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đông và bản thân

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài tóm tắt, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

Nội dung của đoạn video?

Cảm nhận chung về Ý *nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng và bản thân*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài học

**Nhiệm vụ 2: I. Chuẩn bị**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

***? Đề tài của bài nói là gì?***

? Những người nghe là ai?

? Mục đích nói của bài nói là gì?

? Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ câu hỏi của GV.

? Em sẽ nói về nội dung gì?

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**1. Chuẩn bị nội dung**

- Đề tài của bài nói: Thào luận ý kiến về một vấn đề của đời sống

- Người nghe: Cô giáo và các bạn

- Mục đích nói: Ý *nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng và bản thân*

- Không gian lớp học, thời gian nói: 5 phút

\* Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.

**2. Tập luyện**

- HS nói một mình trước gương.

- HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

GV: Nhận xét và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang phần tiếp theo.

- Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi Mục đích của buổi

thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến bao lâu? Nhóm sẽ đánh bao nhiêu thời gian cho

mỗi ý kiến khi thảo luận?

- Để việc thảo luận được hiệu quả, mỗi thành viên cần tự trả lời các câu hỏi. Trong buổi thảo luận nhóm, người nghe là ai? Với đối tượng người nghe đó, sẽ chọn cách nói cao để thuyết phục

-Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên đã tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi

**Nhiệm vụ 3: II.Thực hành thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Yêu cầu HS nói theo dàn ý của hoạt động viết

- Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xem lại dàn ý của HĐ viết và liệt kê các ý cần nói bằng cách gạch đầu dòng, ghi lại những cụm từ chính.

- GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS nói (4 – 5 phút).

- GV hướng dẫn HS nói

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét hoạt động của HS và chuyển dẫn sang mục sau.

- HS nói trước lớp

- Yêu cầu nói:

+ Nói đúng mục đích (Ý *nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng và bản thân*).

+ Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.

+ Nói to, rõ ràng, truyền cảm.

+ Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.

**Nhiệm vụ 4: III.Trao đổi về bài nói**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Trình chiếu phiếu đánh giá hoạt động nói theo các tiêu chí.

- Yêu cầu HS đánh giá

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.

HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.

**Bước 3: Thảo luận, báo cáo**

- **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

- **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và chuyển dẫn sang hoạt động tiếp theo.

**Nhiệm vụ 5 :** **IV.Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** Giáo viên giao bài tập cho HS

Hoàn thiện tiếp phần trình bày của mình và luyện nói cho lưu loát.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc lại bài, suy nghĩ và gạch những ý chính ra vở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Nhiệm vụ 6 :** **V.Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập 1: Em hãy sưu tầm thêm những vấn đề khác trong cuộc sống mà chúng ta cần thảo luận.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập, thực hiện bài tập khi ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV ở buổi học Ngữ văn tiếp theo

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*Phụ lục:**

**Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc. |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút |  |  |
| Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến của người nói về vấn đề. |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. |  |  |
| Nói rõ, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |  |
| Tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thoả đáng những câu hỏi. |  |  |
| Biết bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe. |  |  |

**Nội dung 9: ÔN TẬP**

(Dự kiến thời gian: 45 phút)

**a. Mục tiêu:**

-Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

-Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

- HS làm việc, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài tóm tắt, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước1. Giao nhiệm vụ học tập**

Em hãy quan sát ảnh và nêu lên những chi tiết thú vị?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS suy nghĩ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

- GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…

Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.

**HS**:

- Trả lời câu hỏi.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ làm việc của HS.

- Đánh giá sản phẩm của HS.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.

Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**Nhiệm vụ 2: ÔN TẬP**

**1. Ôn tập một số đặc điểm về thể loại truyện cười.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

**Đọc lại các truyện cười đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** |
| *Vắt cồ chày ra nước* |  |  |  |  |
| *May không đi giày* |  |  |  |  |
| *Khoe của* |  |  |  |  |
| *Con rắn vuông* |  |  |  |  |

Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang những sắc thái nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên các đặc điểm của thể loại truyện cười đã học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- **GV**:

- Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.

**HS**:

- Trả lời câu hỏi.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ làm việc của HS.

- Đánh giá sản phẩm của HS.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.

Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** |
| Vắt cổ chày ra nước | Châm biếm thói keo kiệt | Người phú ông muốn đầy tớ đi làm việc cho mình ở nơi xa nhưng lại không cho anh ta tiền uống nước | Phú ông | Sử dụng hàm ẩn trong câu nói của nhân vật |
| May không đi giày | Châm biếm thói keo kiệt | Người đàn ông đi chân đất nhưng lại không thấy đau mà lại tiếc giày | Người bị chảy máu chân | Suy nghĩ keo kiệt của nhân vật |
| Khoe của | Châm biếm thói khoe khoang | Một người mất lợn đi tìm lợn hỏi phải người khoe khoang | Hai người đối đáp | Sử dụng câu nói không đúng mục đích hỏi |
| Con rắn vuông | Châm biếm thói khoác lác | Người chồng khoe với người vợ về con rắn mình nhìn thấy | Người chồng | Người vợ khiến người chồng tự bộc lộ sự vô lý của mình |

Tiếng cười dí dỏm, hài hước (*Con rắn vuông:* Châm biếm thói khoác lác), tiếng cười phê phán (*Vắt cổ chày ra nước, May không đi giày:* châm biếm thói keo kiệt*, Khoe của:*

**2. Ôn tập nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:

Đời người có một gang tay,

Ai hay ngủ ngày còn lại nửa gang.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- **GV**:

- Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.

**HS**:

- Trả lời câu hỏi.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ làm việc của HS.

- Đánh giá sản phẩm của HS.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.

*- Nghĩa tường minh: Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)*

*- Câu tục ngữ đã cho có nghĩa hàm ẩn: Đời người vốn ngắn ngủi; với những người hay ngủ ngày, cuộc đời đã vốn ngắn ngủi ấy còn ngắn hơn nữa. Câu tục ngữ có ý phê phán một cách hài hước những người hay ngủ ngày, những người không biết quý trọng thời gian để sống có ý nghĩa.*

**3. Ôn tập từ ngữ địa phương.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngữ địa phương nơi em sống.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS:**

Sưu tầm câu tục ngữ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

**GV:**

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.

- Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).

**HS:**

- Báo cáo sản phẩm của bản thân.

- Theo dõi, nhận xét và bổ sung cho phần trình bày của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.

**1.** Thân em như con cá ở đìa

Kẻ qua người lại biết dìa tay ai.

**2.** Bắt to bắt nhỏ kệ cha

Chọt rút chọt riết đặng mà chạy theo

**3.** Trời vàng tứ phía cũng vàng

Để coi cây quế ngả tàng về đâu.

**4.** Đêm đông lạnh trong sương sầu bạn

Ngẩn nhìn trăng vừa cuối hiên tây

**5.** Đặng chim quên ná

Đặng cá quên nôm

**6.** Con cá nằm mờ xa con cá xoè đuôi phụng

Chớ em mắc máng thương chàng ngày lụn tháng qua.

**7.** Con chim điểu nó biểu con chim quỳnh

Biểu to biểu nhỏ hai đứa mình thương nhau.

**8.** Kiểng trên lầu dội đổ leng keng lắc cắc

Kiểng ngoài Bắc anh dội dổ tang tình...

(Nguồn: Tây Ninh online: Dấu ấn ngôn ngữ của đời sống (ngày: 15/09/2015)

**4. Ôn tập về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.**

***Bước 1:* Giao nhiệm vụ học tập.**

+ GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ.

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm đôi. HS nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ.

***Bước 3: Báo cáo, kết quả .***

- HS báo cáo kết quả

- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Để việc viết hiệu quà, em cần xác định:

- Mục đích viết bài này là gì?

- Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?

- Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?

- Em hãy nhớ lại những thông tin, tìm hình ảnh, ghi chép cá nhân mà em đã lưu lại từ những hoạt động đó hoặc những hình ánh, thông tin trên trang web của trường.

- Thu thập các tư liệu để tìm hiểu thêm về hoạt động xã hội em chọn viết trên các nguồn tham khảo uy tín như:

- Trang web chính thức của hoạt động hoặc đơn vị tổ chức. Các trang web này thường có đuôi: .gov (thuộc chính phủ), .org (các tổ chức xã hội), .edu (về giáo dục).

- Các bài báo, phim tư liệu, bàn tin về hoạt dộng trên các trang báo lớn như: Nhân dân, Thanh niên, Tuổi trẻ, Người lao động,...; kênh truyền hình trung ương và địa phương.

- Cần tìm ý trước khi viết bài.

- Nên chú ý đến các yếu tố thực tế như quang cảnh, con người.

**3.HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Dự kiến thời gian 15’)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học và rèn kĩ năng viết đoạn văn.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS (đoạn văn)

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* (GV giao bài tập 7)

Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?

***Bước2: Thực hiện nhiệm vụ***

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.

***Bước3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.

- HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.

***Bước4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét bài làm của HS.

***Gợi ý trả lời:***

Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý lắng nghe và tôn trọng, học hỏi về cách phản hồi ý kiến của người khác đề từ đó có thể rút ra kinh nghiệm, tìm ra những điểm hạn chế của bản thân.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Dự kiến thời gian 10’)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học.

-HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b) Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên giao bài tập cho HS.

Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

***Bước 4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS.

***Gợi ý trả lời:***

* Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười có thể giúp bản thân và những người xung quanh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời.
* Tiếng cười:
* Giúp chúng ta suy nghĩ lạc quan.
* Giúp chúng ta có niềm tin trong cuộc sống.
* Níu con người lại gần nhau hơn.
* Níu lại tuổi thanh xuân cho chúng ta.

**KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**